

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có đường biên giới với Lào dài nhất?

- A. Nghệ An. B. Thanh Hoá. C. Quảng Trị. D. Hà Tĩnh.

Câu 52. Việc phân chia các trung tâm công nghiệp ở nước ta thành trung tâm rất lớn, lớn, trung bình và nhỏ là dựa vào

- A. giá trị sản xuất. B. chuyên môn hóa. C. vị trí địa lí. D. cơ cấu ngành.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía nam cảng Nhật Lệ?

- A. Cửa Gianh. B. Vũng Áng. C. Thuận An. D. Cửa Lò.

Câu 54. Cơ cấu sử dụng lao động trong các ngành kinh tế ở nước ta thay đổi chủ yếu do

- A. kết quả của quá trình đô thị hóa. B. yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.
C. kết quả của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. D. phân bố lại dân cư, lao động giữa các vùng.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

- A. Sóc Trăng. B. Cà Mau. C. Rạch Giá. D. Long Xuyên.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?

- A. Lạng Sơn. B. Sa Pa C. Điện Biên Phủ. D. Hà Nội.

Câu 57. Nguyên nhân làm cho cây công nghiệp ở nước ta phát triển mạnh trong những năm qua?

- A. Sản phẩm không bị cạnh tranh trên thị trường quốc tế.
B. Các khâu trồng và chăm sóc cây công nghiệp được tự động hóa.
C. Nhà nước đã tiêu thụ toàn bộ sản phẩm từ cây công nghiệp.
D. Thị trường được mở rộng, công nghiệp chế biến phát triển.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết ở Trại Cau có khai thác khoáng sản nào sau đây?

- A. Than đá. B. Đồng. C. Sắt. D. Thiếc.

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất?

- A. Bắc Kạn. B. Ninh Bình. C. Thái Bình. D. Vĩnh Phúc.

Câu 60. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Sơn La B. Hải Phòng. C. Hạ Long. D. Hà Nội.

Câu 61. Đặc điểm quan trọng của cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta là

- A. phát triển các ngành công nghiệp nặng.
B. ưu tiên các ngành công nghiệp truyền thống.
C. phát triển các ngành công nghiệp ít lao động.
D. đang nổi lên một số ngành trọng điểm.

Câu 62. Ở vùng đồi núi nước ta, sự phân hóa thiên nhiên Đông - Tây chủ yếu do

- A. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.
B. tác động của gió Tín phong và độ dốc địa hình.
C. độ dốc địa hình theo hướng tây bắc - đông nam.
D. độ cao phân thành các bậc địa hình khác nhau.

Câu 63. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm khí hậu nào sau đây?

- A. Mùa hạ, nhiều nơi có gió Tây khô nóng hoạt động.
B. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh nhất cả nước.
C. Trong năm có một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt.
D. Có khí hậu cận xích đạo gió mùa, mùa mưa kéo dài.

Câu 64. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết ngành công nghiệp đóng tàu có ở trung tâm công nghiệp nào sau đây?

- A. Nha Trang. B. Thanh Hóa. C. Hạ Long. D. Sóc Trăng.

Câu 65. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Quảng Nam. D. Quảng Ngãi.

Câu 66. Vai trò quan trọng nhất của các rừng đặc dụng là

- A. bảo vệ đa dạng sinh học. B. bảo vệ môi trường nước, đất.
C. cung cấp nhiều lâm sản. D. phát triển du lịch sinh thái.

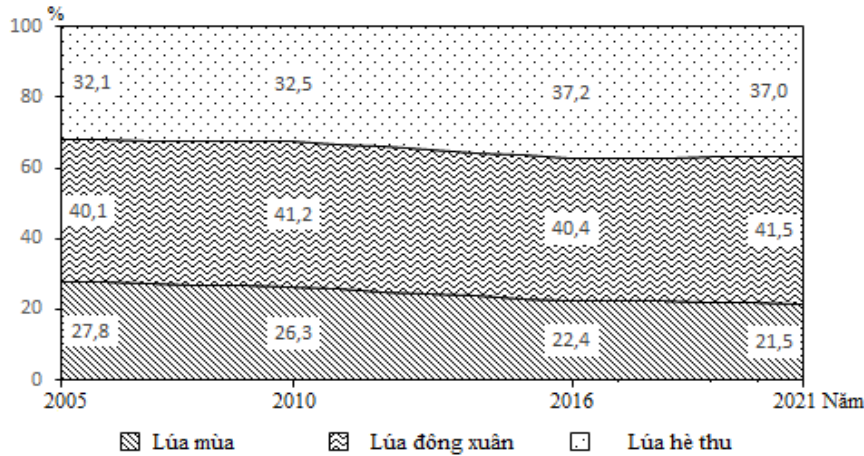
Câu 67. Nuôi trồng thủy sản nước lợ của nước ta phát triển thuận lợi ở

- A. hồ thủy lợi, ruộng lúa ở các đồng bằng. B. bãi triều, đầm phá, dải rừng ngập mặn.
 C. vũng, vịnh và vùng biển ven các đảo. D. sông ngòi, hồ, vùng trũng ở đồng bằng.

Câu 68. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào nuôi nhiều bò nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Sơn La. B. Bình Định. C. Bình Thuận. D. Hà Tĩnh.

Câu 69. Cho biểu đồ về diện tích lúa của nước ta, giai đoạn 2005 - 2021:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ.
 B. Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ.
 C. Tốc độ tăng trưởng của diện tích lúa các mùa vụ.
 D. Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng.

Câu 70. Cho bảng số liệu sau:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A

(Đơn vị: Triệu USD)

Năm	2015	2017	2019	2020
In-đô-nê-xi-a	854953,1	1014090,4	1121139,1	1059146,1
Ma-lai-xi-a	298716,0	321384,1	364616,1	337286,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Căn cứ bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với GDP năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

- A. In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.
 C. Ma-lai-xi-a tăng gấp đôi In-đô-nê-xi-a. D. In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 71. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?

- A. Bắc Sơn. B. Tam Điệp. C. Pu Đen Đinh. D. Con Voi.

Câu 72. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây đổ ra Biển Đông qua cửa Đại?

- A. Sông Mã. B. Sông Gianh. C. Sông Bến Hải. D. Sông Thu Bồn.

Câu 73. Việc xây dựng các cảng biển ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Làm tăng khả năng thu hút các nguồn đầu tư.
 B. Làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.
 C. Giải quyết việc làm cho người lao động tại chỗ.
 D. Tạo thuận lợi để đa dạng hàng hóa vận chuyển.

Câu 74. Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. bền vững nguồn lợi thủy sản, đẩy mạnh nuôi trồng, tìm các ngư trường mới.
 B. tăng cường khai thác ven bờ, nuôi tôm trên cát, thúc đẩy liên kết sản xuất.
 C. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, mở rộng nuôi trồng, gắn sản xuất với chế biến.
 D. mở rộng ngư trường đánh bắt, thúc đẩy nuôi tôm, hiện đại hóa tàu thuyền.

Câu 75. Điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là

- A. có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
- B. vùng biển có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú.
- C. ven biển có nhiều vịnh biển kín, nhiều cửa sông.
- D. nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

Câu 76. Ý nghĩa chủ yếu của việc sản xuất cây công nghiệp theo vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là

- A. tăng xuất khẩu, phát huy thế mạnh, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- B. tăng nông sản, nâng cao vị thế của vùng, thay đổi cách thức sản xuất.
- C. phân bố lại sản xuất, tạo ra việc làm, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.
- D. gắn với công nghiệp, sử dụng tốt hơn lao động, tăng hiệu quả kinh tế.

Câu 77. Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành
- B. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.
- C. giảm thiểu thiệt hại do thiên nhiên gây ra, đa dạng sản phẩm.
- D. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

Câu 78. Phát biểu nào sau đây thể hiện ý nghĩa về kinh tế của việc khai thác các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. Bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới.
- C. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.
- D. Tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập.

Câu 79. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ TỈ LỆ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2008 - 2021

Năm	2008	2012	2018	2021
Tổng diện tích (Nghìn ha)	13118,8	13862,0	14491,3	14745,2
Tỉ lệ che phủ rừng (%)	38,7	40,7	41,7	42,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích rừng và tỉ lệ che phủ rừng của nước ta giai đoạn 2008 - 2021, các dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp?

- A. Kết hợp, đường, cột.
- B. Đường, cột, tròn.
- C. Kết hợp, cột, miền.
- D. Kết hợp, đường, miền.

Câu 80. Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. dân trí nâng cao, có nhiều trung tâm giáo dục.
- B. nhiều lao động kỹ thuật, cơ sở hạ tầng tiến bộ.
- C. dân số đông, nhiều đô thị, sản xuất phát triển.
- D. thị trường lớn, vị trí thuận lợi, dân đô thị nhiều.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.